	MAP PACIFIC SINGAPORE Co., Ltd		
	BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT *(Theo Phụ lục 9, Thông tư 32/2017/TT-BCT)*		
	Số MSDS: 002	Ngày ban hành: 21/03/2022	Ngày có hiệu lực: 25/03/2022

I. THÔNG TIN SẢN PHẨM/ HỖN HỢP VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm: **ALPHA CYPERMETHRIN 10% w/v**

Tên thương mại: **MAP ALE 10 SC**

MÃ UN: 3082

C.A.S: 67375-30-8

BÊN SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI: CÔNG TY TNHH MAP PACIFIC SINGAPORE

Số 101/6, Đường số 3, Amata IP, Phường Long Bình, Biên Hoà, Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: (0251) 3 936 902 Hotline: 0869 700 450

E.mail : cs@mappacific.com

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp, và hướng dẫn sử dụng:

Có thể dùng để kiểm soát muỗi, sâu bệnh.

Số điện thoại khẩn cấp:

SỐ ĐIỆN THOẠI CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG: 0869 700 450

II. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM:

1. *Mức xếp loại nguy hiểm của chất hoặc hỗn hợp:*

Mức xếp loại nguy hiểm của chất hoặc hỗn hợp:

Độc tính cấp tính: Mèo. 5 (đường miệng)

Nguy hại cho môi trường thủy sinh - cấp tính: Mèo. 1

Nguy hại cho môi trường thủy sinh - mạn tính: Mèo. 1

2. Nhãn sản phẩm

Có chứa ALPHA CYPERMETHRIN

Từ hiệu ..... Cảnh báo

Thông báo rủi ro	
R20/22	Nguy hại khi hít phải và nuốt vào.
R37	Tổn hại đến đường hô hấp.
R43	Có thể gây kích ứng khi tiếp xúc qua da.
R50/53	Rất độc hại đối với sinh vật thuỷ sinh, có thể gây ra những hiệu ứng bất lợi lâu dài cho môi trường thuỷ sinh.
R65	Nguy hại: có thể làm tổn hại phổi nếu nuốt.
R66	Tiếp xúc liên tục có thể gây hiện tượng da khô hoặc nứt nẻ.
Thông báo phòng ngừa	
S23	Không hít chất ở dạng hơi/dạng xịt.
S24	Tránh tiếp xúc qua da.
S29	Không đổ vào cống rãnh
S37	Đeo găng tay chuyên dụng.
S51	Chỉ dùng ở nơi thoáng khí.
S62	Nếu nuốt phải, không được ép nôn: lập tức đến các cơ sở y tế và xuất trình bình đựng hoặc nhãn của sản phẩm.

3. ***Các mối nguy hiểm khác***

Sản phẩm không có thành phần đạt tiêu chí PBT hoặc vPvB

III. THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Hoá chất: Sản phẩm là hỗn hợp, không phải là một chất.

Hỗn hợp:

Hoạt chất: Alpha-Cypermethrin

Dung lượng (W/V): 10 % Số CAS: 67375-30-8	Độc tính cấp tính: Mèo. 4 (Hít vào - bụi) Độc tính cấp tính: Mèo. 3 (đường miệng) Đau rát/ăn mòn da: Mèo. 3 STOT SE: Mèo. 3 (làm đau rát hệ thống hô hấp) STOT RE: Mèo. 2 Cấp tính thuỷ sinh: Mèo. 1 Mạn tính thuỷ sinh: Mèo. 1 Hệ số M cấp tính: 10000 Hệ số M mạn tính: 1000

IV. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU:

Mô tả các biện pháp sơ cứu:

Hít phải: Nếu thấy khó chịu, lập tức ngưng tiếp xúc. Trường hợp nhẹ: Theo dõi bệnh nhân. Liên hệ ngay các cơ sở y tế nếu trở nặng. Trường hợp nghiêm trọng: lập tức đưa đến cơ sở y tế hoặc gọi cấp cứu.

Tiếp xúc với da: Lập tức rửa bằng nhiều nước, đồng thời cởi bỏ giày dép, quần áo dính hoá chất. Rửa bằng xà phòng và nước. Liên hệ cơ sở ý tế nếu trở nặng.

Tiếp xúc với mắt Lập tức rửa mắt với nhiều nước hoặc dung dịch rửa mắt, thỉnh thoảng mở mi mắt, cho đến khi không còn hoá chất. Tháo kính áp tròng sau một vài phút và rửa lại lần nữa. Liên hệ cơ sở y tế nếu không thấy hết khó chịu.

Nuốt phải: Cho người tiếp xúc rửa miệng và cho uống thật nhiều nước hoặc sữa, nhưng không được ép nôn. Nếu nôn ra, hãy cho bệnh nhân rửa miệng và uống thật nhiều nước. Cần chăm sóc y tế ngay lập tức.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm

Cho đến nay, chưa có báo cáo về các tác động bất lợi đến con người. Khi động vật hấp thụ hoạt chất, chỉ có ghi nhận về những triệu chứng không rõ ràng.

Dấu hiệu cần chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt ngay:

Lập tức liên hệ cơ sở y tế nếu nuốt phải.

Nên cho đưa cho nhân viên y tế bảng bảng chỉ dẫn an toàn hoá chất này.

Ghi chú dành cho nhân viên y tế: Hiện chưa rõ thuốc giải độc đối với loại hoá chất này. Có thể xem xét đến việc rửa dạ dày và/hoặc sử dụng than hoạt tính.

V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY:

Phương tiện chữa cháy: Hoá chất khô hoặc cacbon dioxit đối với đám cháy nhỏ, phun nước hoặc bọt đối với đám cháy lớn. Không sử dụng tia nước áp lực mạnh.

Các mối nguy hiểm đặc biệt xảy ra từ một chất hoặc hỗn hợp: Các sản phẩm bị phân hủy có thể sinh ra các chất dễ bay hơi, độc hại, kích thích, dễ cháy như: nitrogen oxides, hydrogen chloride, nitrogen oxides, carbon monoxide, carbon dioxide, phosphorous pentoxide và các hợp chất hữu cơ clo hoá khác.

Hướng dẫn dành cho nhân viên cứu hỏa: Phun nước làm lạnh thùng chứa hàng đang bị cháy. Tiếp cận đám cháy ở vị trí ngược gió để tránh khí bốc hơi và các chất phân huỷ động hại sinh ra từ sản phẩm. Vị trí chữa cháy phải được bảo vệ và cách xa nhất có thể. Ngăn chặn không cho nước thoát đi. Nhân viên cứu hoả phải được trang bị bình oxy di động và đồ bảo hộ.

VI. BIỆN PHÁP HẠN CHẾ TAI NẠN:

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp

Nên lập kế hoạch trước cho các tình huống chảy tràn. Luôn chuẩn bị sẵn bình/thùng rỗng để phục vụ công tác thu gom.

Khi chảy tràn lớn (từ 10 tấn sản phẩm trở lên):

a. *dùng thiết bị bảo hộ cá nhân*: xem mục 8
b. *gọi ngay cho số điện thoại khẩn cấp*: xem mục 1
c. *thông báo khẩn cho cơ quan thẩm quyền:*

Tuân thủ mọi biện pháp an toàn khi thu dọn sản phẩm chảy tràn. Dùng đồ bảo hộ cá nhân. Tuỳ vào mức độ nghiêm trọng, có thể cần phải mang bình oxy di động, mặt nạ hoặc kính bảo vệ, quần áo, găng tay và ủng không thấm hoá chất.

Chặn nguồn chảy tràn ngay lập tức nếu có thể. Di tản người không được trang bị bảo hộ ra nơi khác. Tránh và hạn chế sự hình thành hơi sương nhất có thể

Phòng ngừa về môi trường :

Gom đựng hoá chất đổ tràn để tránh lan ra các bề mặt, đất và nước. Không được để nước rửa chảy vào cống rãnh. Nếu có hoá chất lẫn vào các nguồn nước thì phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Nên xem xét mọi khả năng để phòng ngừa tổn hại do đổ tràn ví dụ như đậy hoặc bít kín Xem GHS (Phục lục 4, Mục 6).

Nếu được, hãy che chắn các khu vực cống rãnh. Đối với lượng đổ tràn không đáng kể trên sàn hoặc các bề mặt không thấm, phải dùng các thu dọn ngay bằng các vật liệu thấm hút như vữa đa dụng, vôi ngậm nước, đất sét Fuller hoặc các loại đất sét có khả năng thấm hút khác. Thu gom vật liệu thấm hút bỏ vào thùng đựng phù hợp. Vệ sinh khu vực đó với nhiều nước và dung dịch tẩy rửa. Thấm hút nước rửa bằng vật liệu thấm hút và cho vào thùng đựng phù hợp. Thùng đựng phải đóng kín và dán nhãn.

Đối với lượng đổ tràn lớn ngấm xuống đất, phải đào lên và cho vào thùng đựng phù hợp.

Nếu đổ tràn ra nguồn nước, phải tìm mọi cách có thể để cô lập nguồn nước bị ô nhiễm. Phải thu gom nước ô nhiễm và xử lý làm sạch.

Tham khảo các mục khác:

Xem tiểu mục 8. về bảo vệ cá nhân.

Mục 13 về vấn đề xử lý chất thải.

VII. VẬN CHUYỂN VÀ BẢO QUẢN:

Thận trọng trong việc bảo quản:

Phụ nữ có thai không được tiếp xúc với hoá chất vì nó có thể ảnh hưởng đến thai nhi.
Trong môi trường công nghiệp, nên tránh tiếp xúc với sản phẩm, nếu có thể, hãy sử dụng các hệ thống khép kín có khả năng điều khiển từ xa. Hoá chất nên được vận chuyển, xử lý bằng phương tiện máy móc. Môi trường làm việc phải thông thoáng khí hoặc có trang bị hệ thống thông gió. Khí thải phải được lọc hoặc xử lý. Xem mục 8 để biết thêm chi tiết về bảo vệ cá nhân.
Khi dùng là thuốc diệt sâu bệnh, đầu tiên hãy xem các biện pháp an toàn và bảo hộ cá nhân trên nhãn dán ở bao bì hoặc các tài liệu hướng dẫn hay các chính sách khác. Nếu thấy thông tin chưa đủ, xem thêm mục 8.
Không cho người không trang bị đồ bảo vệ, trẻ em tiếp cận khu vực làm việc.

Tháo bỏ ngay quần áo bị nhiễm hoá chất. Rửa kỹ sau khi xử lý. Trước khi tháo găng tay, hãy rửa chúng bằng xà phòng và nước. Sau khi làm việc, cởi bỏ giày dép và quần áo. Tắm gội bằng xà phòng và nước. Chỉ mặc quần áo sạch khi rời nơi làm việc. Vệ sinh quần áo và thiết bị bảo hộ bằng nước và xà phòng sau mỗi khi sử dụng.
Không xả thải ra môi trường. Không được làm ô nhiễm đất hoặc nguồn nước khi đổ bỏ nước rửa. Thu gom hoá chất thải và tồn dư từ thiết bị lau dọn... và xử lý đổ bỏ chất thải độc hại. Xem mục 13 về xử lý chất thải.

Điều kiện về lưu trữ an toàn, bao gồm sự không tương hợp:

Sản phẩm ổn định khi bảo quản ở điều kiện thông thường trong nhà kho lưu trữ
Bảo quản trong thùng kín, có dán nhãn. Kho chứa phải được xây dựng bằng vật liệu chống cháy, đóng kín, khô ráo, thoáng khí và sàn chống thấm. Người không phận sự và trẻ em không được phép tiếp cận. Nên có biển cảnh báo "ĐỘC HẠI". Kho chỉ dùng cho mục đích chứa hoá chất. Không dùng để chứa đồ ăn uống cho người và vật nuôi. Phải trang bị nơi rửa tay.

Mục đích sử dụng cụ thể:

Đây là sản phẩm thuốc diệt trừ sâu bệnh đã được đăng kí nên có thể chỉ được sử dụng theo mục đích sử dụng đã được đăng ki thoe như nhãn dán đã được phê duyệt bởi cơ quan chức năng.

VIII. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ BẢO HỘ CÁ NHÂN:

Kiểm soát phơi nhiễm:

Khi áp dụng hệ thống khép kín, cần phải trang bị đồ bảo hộ cá nhân. Những nội dung sau đây là dành cho các trường hợp khác (khi không thể áp dụng hệ thống khép kín hoặc cần phải dùng hệ thống mở). Nếu cần, xem xét vận hành thiết bị hoặc hệ thống đường ống không độc hại trước khi mở.

Các biện pháp an toàn sau đây chủ yếu dành cho khâu xử lý, vận chuyển sản phẩm chưa pha loãng và cho khâu chuẩn bị dung dịch phun xịt, nhưng cũng có thể áp dụng cho khâu phun xịt.

Đối với trường hợp phơi nhiễm bất ngờ ở mức độ cao, có thể cần trang bị thêm thiết bị bảo hộ cá

nhân, ví dụ: bình oxy di động, mặt nạ, quần áo bảo vệ chống hoá chất.

Bảo vệ đường hô hấp: Nếu hoá chất bị thải ra ngoài do sự cố và tạo ra hơi hoặc sương, người lao động phải đeo bình dưỡng khí di động có bộ lọc đa dụng bao gồm cả chức năng lọc đa phân tử.

Găng tay bảo vệ: Đeo găng tay chống hoá chất, ví dụ như phủ laminate, cao su butyl hoặc cao su nitrile. Số lần bị xuyên thủng của vật liệu này khi tiếp xúc với epoxiconazole chưa được ghi nhận. Tuy nhiên, nhìn chung, việc sử găng tay bảo vệ chỉ giúp bảo vệ một phần khi tiếp xúc qua da. Các vết rách nhỏ và sự nhiễm chéo có thể dễ xảy ra. Nên hạn chế các công việc thủ công và phải thay găng tay thườnng xuyên. Cẩn thận không dùng găng tay dính hoá chất chạm vào các vật khác.

Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ. Nên có vòi rửa mắt ở nơi làm việc để phòng trường hợp mắt bị tiếp xúc.

Bảo vệ da khác: Mặc đồ bảo hộ chống hoá chất phù hợp để tránh tiếp xúc qua da tuỳ theo mức độ phơi nhiễm. Trong qúa trình làm việc bình thường khi buộc phải tiếp xúc với hoá chất trong một thời gian nhất định, nên mặc quần chống thấm nước và tạp dề chống hoá hoá chất hoặc bộ áo liền quần bằng nhựa polyethylene (PE). Phải bỏ bộ áo liền quần bằng PE nếu nó bị dính hoá chất. Trong trường hợp phải phơi nhiễm quá nhiều hoặc kéo dài, có thể cần đến áo liền quần phủ laminate.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ HOÁ

1. Thông tin về đặc tính lý hoá:

Hình thức	Chất lỏng huyền phù trắng
Mùi	Đặc trưng
Ngưỡng mùi	Không xác định
pH	1% trong nước: 6-8 ở 25°C
Điểm nóng chảy/ điểm đóng băng	Không xác định
Điểm sôi và phạm vi sôi ban đầu	Không xác định
Điểm cháy	Không bắt cháy
Tỉ lệ bay hơi	Không áp dụng
Dễ cháy (rắn, khí)	Không áp dụng (chất lỏng)
Giới hạn cháy hoặc	
Giới hạn nổ	Không xác định
Áp suất hơi	Không xác định
Tỷ trọng hơi	Không xác định
Tỷ trọng tương đối	Không xác định
Tỉ trọng:	1.04 g/ml ở 20°C
Khả năng hoà tan	Có thể phân tán
Hệ số phân bổ n-octanol với nước	Không xác định
Nhiệt độ bốc cháy	Không xác định
Nhiệt độ phân hủy	Không xác định

Độ sệt	Không xác định
Đặc tính nổ	Không được xem là chất gây nổ.

Đặc tính oxy hoá: Không đạt tiêu chí được phân loại là oxy hoá.

Thông tin khác:

Sản phẩm phân tán được trong nước.

X. SỰ ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG:

Khả năng phản ứng: Theo hiểu biết của chúng tôi, chưa có phản ứng nguy hiểm nào liên quan đến sản phẩm này được ghi nhận.
Ổn định hóa học: Sản phẩm ổn định trong quá trình xử lý, chuyên chở thông thường và bảo quản ở nhiệt độ môi trường.
Khả năng phản ứng nguy hiểm: Không biết. Không polyme hoá.
Các điều kiện cần tránh: Tránh tiếp xúc với nhiệt độ cao hoặc ánh nắng trực tiếp. Loại bỏ mọi nguồn gây cháy. Không hút thuốc, để tia lửa, lửa hoặc các nguồn dễ gây cháy khác gần nơi đổ tràn. Đảm bảo thông gió đầy đủ.
Vật liệu không tương thích: Các chất oxy hóa mạnh. Các axit mạnh. Kiềm mạnh.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Xem tiểu mục 5.2.

XI. THÔNG TIN ĐỘC HỌC:

Thông tin về tác động độc học

Độc tính cấp tính

Đánh giá độc tính cấp tính:

Đối với độc tính thấp sau khi hấp thụ quá đường ăn uống một lần. Gần như không độc sau khi tiếp xúc một lần qua da. Gần như không độc khi hít vào.

Dữ liệu tính toán/thí nghiệm: LD50 chuột (đường miệng): 4.932 mg/kg

LC50 chuột (hít vào): > 5.5 g/l 4 h

LD50 chuột (qua da): > 2.000 mg/kg

Đau rát

Đánh giá tác động gây đau rát:

Không gây đau rát cho mắt. Không gây đau rát cho da.

Dữ liệu tính toán/thí nghiệm:

Đau rát/ăn mòn da ở thỏ:

Tổn hại nghiêm trọng/đau rát mắt ở thỏ:

Mẫn cảm với hệ hô pấp/Da

Đánh giá mẫn cảm:

Không có bằng chứng về mẫn cảm đối với da.

Dữ liệu tính toán/thí nghiệm:

Thí nghiệm tối đa trên chuột lang:

Đột biến tế bào mầm

Đánh giá đột biến gen:

Kiểm tra đột biến gen cho thấy không độc tính gen. Sản phẩm chưa được kiểm tra. Bản báo cáo dựa trên các đặc tính của từng thành phần riêng lẻ.

Khả năng gây ung thư

Đánh giá Tác nhân gây ung thư

Sản phẩm chưa được kiểm tra. Bản báo cáo dựa trên các đặc tính của từng thành phần riêng lẻ. Kết quả nghiên cứu trên động vật không chỉ ra tác nhân gây ung thư.

Độc tính sinh sản

Đánh giá độc tính sinh sản:

Sản phẩm chưa được kiểm tra. Bản báo cáo dựa trên các đặc tính của từng thành phần riêng lẻ. Kết quả nghiên cứu trên động vật không chỉ ra tác động gây suy yếu khả năng sinh sản.

Độc tính phát triển

Đánh giá tác nhân gây dị tật

Sản phẩm chưa được kiểm tra. Bản báo cáo dựa trên các đặc tính của từng thành phần riêng lẻ. Kết quả nghiên cứu trên động vật không chỉ ra tác động độc tính phát triển ở liều lượng không gây độc hại cho động vật bố mẹ.

Sản phẩm có chứa: Alpha-Cypermethrin

Có thể gây cảm giác khác thường.

Độc tính ở liều lượng nhiều lần và Độc tính đến cơ quan cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độc tính với liều lượng nhiều lần

Sản phẩm chưa được kiểm tra. Bản báo cáo dựa trên các đặc tính của từng thành phần riêng lẻ.

Thông tin về: Alpha-Cypermethrin

Đánh giá độc tính với liều lượng nhiều lần

Phơi nhiễm qua đường miệng nhiều lần có thể tác động đến một số cơ quan nhất định. Làm

tổn hại hệ thần kinh ngoại vi.

Thông tinh độc tính liên quan khác

Sử dụng sai khách sẽ gây hại đến sức khoẻ

XII. THÔNG TIN SINH THÁI:

Độc tính sinh thái

Đánh giá độc tính thuỷ sinh:

Rất độc hại cho sinh vật thủy sinh. Có thể tác động xấu lâu dài đến môi trường thuỷ sinh.

Thông tin về: Alpha-Cypermethrin

Độc tính đối với cá:

LC50 (96 h) 0.00093 mg/l, Pimephales promelas (OPP 72-1 (theo hướng dẫn EPA), Lưu chuyển.)

Nồng độ tác động không quan sát được (34 d) 0.00003 mg/l, Pimephales promelas

Thông tin về: Alpha-Cypermethrin

Động vật không xương thủy sinh

EC50 (48 h) 0.000013 mg/l 12,6 ng/L, Chironomus riparius (theo hướng dẫn OECD 202, phần 1, ổn định)

Thông tin về: Alpha-Cypermethrin

Thực vật thuỷ sinh:

EC50 (72 h) > 1 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), Scenedesmus subspicatus (theo hướng dẫn OECD Guideline 201, ổn định)

Nồng độ tác động không quan sát được (7 d) >= 1,39 µg/L (tỷ lệ tăng trưởng), Lemna gibba (theo hướng dẫn OECD Guideline 211, ổn định)

Tính di động

Đánh gía vận chuyển giữa những nơi ngăn cách với môi trường:

Sản phẩm chưa được kiểm tra. Bản báo cáo dựa trên các đặc tính của từng thành phần riêng lẻ.

Thông tin về: Alpha-Cypermethrin

Đánh gía vận chuyển giữa những nơi ngăn cách với môi trường:

Sau khi tiếp xúc với đất, có khả năng sẽ hấp thụ vào các hạt đất cứng, vì vậy sẽ không xảy ra ô nhiễm nguồn nước ngầm.

Tính ổn định và khả năng phân hủy

Đánh giá phân huỷ sinh hoặc và tính khử (H2O)

Sản phẩm chưa được kiểm tra. Bản báo cáo dựa trên các đặc tính của từng thành phần riêng lẻ.

Thông tin về: Alpha-Cypermethrin

Tiềm năng tích luỹ sinh học

Đánh giá tiềm nâng tích luỹ sinh học:

Sản phẩm chưa được kiểm tra. Bản báo cáo dựa trên các đặc tính của từng thành phần riêng lẻ.

Thông tin về: Alpha-Cypermethrin

Tiềm năng tích luỹ sinh học:

Hệ số Nồng độ sinh học:: 155 - 910 (73 d), Cyprinus carpio (theo hướng dẫn OECD 305 C)

Thông tin bổ sung

Hướng dẫn về độc tố sinh thái học khác:

Không xả thải sản phẩm ra môi trường mà không có biện pháp kiểm soát.

XIII. XEM XÉT KHI XỬ LÝ ĐỔ BỎ:

Phương pháp xử lý rác chất thải:

Chất thải được xếp vào loại chất thải nguy hại. Xử lý đổ bỏ tại nơi xử lý chất thải được cấp phép theo quy định của Cơ quan có thẩm quyền về xử lý chất thải.

Chất thải thích hợp để đốt. Xử lý chất thải phải được thực hiện bởi đơn vị xử lý được cấp phép.

KHÔNG tái sử dụng các thùng chứa rỗng. Các thùng chứa có thể được gửi đi để xử lý hoặc tái chế.

Thùng đựng rỗng có thể còn tồn đọng hoá chất và có thể nguy hiểm. KHÔNG TẠO ÁP LỰC, CẮT, HÀN, GIA NHIỆT, HÀN LẠI, KHOAN, NGHIỀNG HOẶC ĐỂ CHO TIẾP XÚC VỚI NHIỆT ĐỘ CAO, LỬA, TIA LỬA, ĐIỆN, HAY CÁC NGUỒN GÂY CHÁY KHÁC.

XIV. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN:

Xếp loại ADR/RID/IMDG/IATA/ICAO

Vận chuyển nội địa:

Cấp độ nguy hại:	9
Nhóm đóng gói:	III
Số ID:	UN 3082
Nhãn cảnh báo nguy hiểm	9, EHSM
Tên vận chuyên thích hợp:	HOẠ CHẤT NGUY HIỂM CHO MÔI TRƯỜNG, CHẤT LỎNG, N.O.S. (có thành phần ALPHA-CYPERMETHRIN)

Vận chuyển đường biển

IMDG

Cấp độ nguy hại:	9
Nhóm đóng gói:	III
Sô ID:	UN 3082
Nhãn cảnh báo nguy hiểm	9, EHSM
Ô nhiễm hàng hải:	CÓ
Tên vận chuyên thích hợp:	HOẠ CHẤT NGUY HIỂM CHO MÔI TRƯỜNG, CHẤT LỎNG, N.O.S. (có thành phần ALPHA-CYPERMETHRIN)

Vận chuyển hàng không

IATA/ICAO

Cấp độ nguy hại:	9
Nhóm đóng gói:	III
Sô ID:	UN 3082
Nhãn cảnh báo nguy hiểm	9, EHSM
Tên vận chuyên thích hợp:	HOẠ CHẤT NGUY HIỂM CHO MÔI TRƯỜNG, CHẤT LỎNG, N.O.S. (có thành phần ALPHA-CYPERMETHRIN)

XV. THÔNG TIN PHÁP LÝ:

Các quy định/luật an toàn, sức khoẻ và môi trường cụ thể đối với chất hoặc hỗn hợp:

Quy định của Liên minh Châu Âu (dán nhãn)

Các Chỉ thị EEC:

Ký hiệu nguy hiểm

N Nguy hiểm cho môi trường

Nhóm từ R

R50/53	Rất độc đối với các sinh vật sống dưới nước, có thể gây ảnh hưởng xấu lâu dài đến môi trường nước.

Nhóm từ S

S2	Để xa tầm tay trẻ em.
S13	Tránh xa các loại thực phẩm cho người và động vật.
S20/21	Khi sử dụng không ăn, uống hoặc hút thuốc.
S29/35	Không được đổ ra cống rãnh, hoá chất này và thùng chứa đựng nó phải được xử lý bằng biện pháp phù hợp.
S57	Đựng trong thùng để tránh làm ô nhiễm môi trường.

Quy định khác

Đối với người sử dụng sản phẩm này để bảo vệ thực vật: "Để phòng tránh rủi ro cho người và môi trường, đề nghị tuân thủ hướng dẫn sử dụng.' (Chỉ thị 1999/45/EC, Điều 10, Số 1.2)

Đánh giá an toàn hoá chất:

Không có đánh giá an toàn hóa chất nào được thực hiện.

XVI. THÔNG TIN KHÁC

Hướng dẫn đào tạo: Hoá chất này chỉ được dùng bởi người hiểu rõ về mức độ nguy hiểm của nó và đã được hướng dẫn những biện pháp an toàn cần thiết.

Mọi thông tin được cung cấp trong bảng chỉ dẫn an toàn này là đúng và đáng tin cậy, nhưng việc sử dụng sản phẩm là khác nhau và có thể tồn tại các tình huống mà Map Pacific Singapore không thể tiên lượng. Người dùng phải kiểm tra hiệu lực của thông tin đang xem trong từng trường hợp.